

Chương V. PHẠM VI CUNG CẤP

Mục 1. Phạm vi và tiến độ cung cấp thuốc

1. Phạm vi cung cấp thuốc

Phạm vi cung cấp là danh mục thuốc mời thầu tại Mẫu số 00. Bảng phạm vi cung cấp, tiến độ cung cấp và yêu cầu về kỹ thuật của thuốc. Đối với các thuốc trong danh mục mời thầu thuộc danh mục thuốc có ít nhất 03 hãng trong nước sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc tương đương EU-GMP và đáp ứng tiêu chí kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế và về chất lượng, giá, khả năng cung cấp được Bộ Y tế ban hành (Danh mục ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 03/2024/TT-BYT ngày 16/04/2024 của Bộ Y tế) thì nhà thầu chỉ chào thầu thuốc sản xuất trong nước cùng tiêu chí kỹ thuật đó.

2. Tiến độ cung cấp thuốc

- Thuốc phải được giao đủ số lượng và đúng các thông tin, tiêu chuẩn như trong E-HSDT
- Thời gian giao thuốc trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được đơn đặt hàng của chủ đầu tư
- Thuốc phải được giao hàng thành nhiều đợt, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, theo yêu cầu (dự trù) của chủ đầu tư
- Địa điểm giao hàng:
 - + Phân trại số 1: Xã Định Mỹ, tỉnh An Giang
 - + Phân trại số 2: Xã Định Mỹ, tỉnh An Giang

Mục 2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu kỹ thuật (mang tính kỹ thuật thuần túy) và các yêu cầu khác liên quan đến việc cung cấp thuốc (trừ giá). Yêu cầu về kỹ thuật phải được nêu đầy đủ, rõ ràng và cụ thể để làm cơ sở cho nhà thầu lập E-HSDT. Trong yêu cầu về kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, đồng thời cũng không đưa ra các yêu cầu quá cao dẫn đến làm tăng giá dự thầu hoặc làm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu, không được nêu yêu cầu về nhãn hiệu cụ thể của thuốc. Khi chưa có kết quả đàm phán giá thuốc được công bố, nếu Bộ phận y tế của Chủ đầu tư thống nhất ý kiến cần sử dụng thuốc biệt dược gốc hoặc sinh phẩm tham chiếu để phục vụ nhu cầu, Chủ đầu tư xây dựng gói thầu thuốc biệt dược gốc nhưng phải ghi kèm theo cụm từ “hoặc tương đương” để tạo thuận lợi cho nhà thầu trong quá trình chuẩn bị E-HSDT.

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

2.1. Giới thiệu chung về gói thầu

- Tên gói thầu: “Gói thầu HH-01: Mua thuốc và vật tư y tế cho Trại giam Định Thành 6 tháng đầu năm 2026”
- Tên dự toán mua sắm: Mua thuốc và vật tư y tế cho Trại giam Định Thành 6 tháng đầu năm 2026
- Chủ đầu tư: Trại giam Định Thành
- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước
- Loại hợp đồng: Trọn gói
- Thời gian thực hiện gói thầu: 6 tháng
- Địa điểm thực hiện:
 - + Phân trại số 1: Xã Định Mỹ, tỉnh An Giang

+ Phân trại số 2: Xã Định Mỹ, tỉnh An Giang

- Nội dung gói thầu: Theo danh mục thuốc mời thầu đính kèm trong E-HSMT

2.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Chủ đầu tư căn cứ thông tin về thuốc đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (giấy đăng ký lưu hành, giấy phép nhập khẩu, tờ hướng dẫn sử dụng thuốc), thông tin về nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP của cơ sở sản xuất tại công văn, quyết định phê duyệt của Cục Quản lý Dược; Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền hoặc được công bố trên Trang thông tin điện tử của Cục Quản lý Dược; Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền và các thông tin khác để đánh giá kỹ thuật của thuốc.

2.2.1. Yêu cầu chung

2.2.1.1. Thuốc dự thầu được phép lưu hành hợp pháp tại Việt Nam

a) Thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu còn hiệu lực tại Việt Nam.

Đối với trường hợp mặt hàng thuốc tham dự thầu có giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu hết hạn hiệu lực trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu có văn bản cam kết đảm bảo cung ứng thuốc theo yêu cầu của E-HSMT và bổ sung thẻ kho tương ứng 03 tháng theo tiến độ cung ứng được ghi trong E-HSMT (đối với thuốc phóng xạ thì thay thẻ kho bằng giấy tờ khác phù hợp; đối với mua sắm tập trung thì không áp dụng chứng minh bằng thẻ kho);

Đối với trường hợp giấy phép GMP hết hiệu lực trước thời điểm đóng thầu nhà thầu có văn bản cam kết đảm bảo cung ứng thuốc theo yêu cầu của E-HSMT và bổ sung thẻ kho tương ứng 03 tháng theo tiến độ cung ứng được ghi trong E-HSMT (đối với thuốc phóng xạ thì thay thẻ kho bằng giấy tờ khác phù hợp; đối với mua sắm tập trung thì không áp dụng chứng minh bằng thẻ kho);

Trong quá trình đánh giá E-HSDT nếu các giấy tờ trên được gia hạn hoặc cấp mới thì không cần xem xét thẻ kho.

b) Thuốc tham dự thầu không bị thu hồi giấy đăng ký lưu hành theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Dược.

c) Thuốc tham dự thầu không có thông báo thu hồi theo quy định tại Thông tư số 30/2025/TT-BYT ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Bộ Y tế hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn chất lượng, kiểm nghiệm thuốc, nguyên liệu làm thuốc và thu hồi, xử lý thuốc vi phạm... (trường hợp thu hồi một hoặc một số lô thuốc xác định thì các lô thuốc không bị thu hồi vẫn được phép lưu hành hợp pháp)

2.2.1.2. Thuốc dự thầu vào gói thầu, nhóm thuốc phù hợp

Theo danh mục thuốc mời thầu đính kèm trong E-HSMT. Gói thầu được phân chia thành 05 nhóm theo tiêu chí kỹ thuật như sau (theo Điều 4 Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ Y tế):

***Nhóm 1** bao gồm thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc được cấp giấy phép nhập khẩu để lưu hành tại Việt Nam và đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:

a) Được sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP tại nước thuộc danh sách SRA hoặc EMA và được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP;

b) Thuốc thuộc danh mục thuốc biệt dược gốc hoặc sinh phẩm tham chiếu do Bộ Y tế công bố;

c) Được sản xuất toàn bộ các công đoạn tại Việt Nam và phải đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau đây:

- Sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP và được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP;

- Được cơ quan quản lý dược của nước thuộc danh sách SRA hoặc EMA cấp phép lưu hành theo quy định tại khoản 4 Điều 38 của Thông tư số 40/2025/TT-BYT.

- Thuốc lưu hành tại Việt Nam và thuốc được cơ quan quản lý dược của nước thuộc danh sách SRA hoặc EMA cấp phép lưu hành phải có cùng công thức bào chế, quy trình sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng, phương pháp kiểm nghiệm; dược chất, tá dược phải có cùng tiêu chuẩn chất lượng, cơ sở sản xuất, địa điểm sản xuất theo quy định tại khoản 4 Điều 38 của Thông tư số 40/2025/TT-BYT.

***Nhóm 2** bao gồm thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc được cấp giấy phép nhập khẩu để lưu hành tại Việt Nam và đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:

a) Được sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP và được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP;

b) Được sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất thuốc tại nước là thành viên PIC/s đồng thời là thành viên ICH, được cơ quan quản lý có thẩm quyền của nước này cấp chứng nhận đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn PIC/s-GMP và được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn PIC/s-GMP.

***Nhóm 3** bao gồm thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc được cấp giấy phép nhập khẩu để lưu hành tại Việt Nam và được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố có chứng minh tương đương sinh học.

***Nhóm 4** bao gồm thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam và được sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất tại Việt Nam được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP.

***Nhóm 5** bao gồm thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc được cấp giấy phép nhập khẩu để lưu hành tại Việt Nam.

Thuốc dự thầu vào các nhóm thuốc trên phải phù hợp với quy định tại Điều 11 của Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ Y tế.

Nhà thầu không chào thầu thuốc nhập khẩu cùng nhóm tiêu chí kỹ thuật đối với các thuốc mời thầu thuộc Danh mục thuốc có ít nhất 03 hãng trong nước sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc tương đương EU-GMP và đáp ứng tiêu chí kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế và về chất lượng, giá, khả năng cung cấp (ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 03/2024/TT-BYT ngày 16/04/2024 của Bộ Y tế).

2.2.2. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết

- Thuốc dự thầu phải có Tên hoạt chất, Nồng độ, Hàm lượng, Đường dùng, Dạng bào chế, Số lượng, Đơn vị tính đáp ứng yêu cầu mời thầu nêu tại Mẫu số 00 Chương IV E-HSMT, thông tin trong Giấy đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu và Tờ hướng dẫn sử dụng thuốc đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Đường dùng của thuốc trong Mẫu số 00 Chương IV E-HSMT được thống nhất như sau:

+ Uống bao gồm các thuốc uống, nhai, ngậm;

- + Tiêm bao gồm các thuốc tiêm bắp, tiêm dưới da, tiêm trong da, tiêm tĩnh mạch, tiêm truyền, truyền tĩnh mạch, tiêm vào ổ khớp, tiêm nội nhãn cầu, tiêm trong dịch kính của mắt, tiêm hoặc truyền vào các khoang của cơ thể;
 - + Dùng ngoài bao gồm các thuốc bôi ngoài da, xoa ngoài da, dán ngoài da, xịt ngoài da, thuốc rửa, bôi vào niêm mạc, súc miệng;
 - + Đặt bao gồm các thuốc đặt âm đạo, đặt hậu môn, thụt hậu môn hoặc trực tràng, đặt dưới lưỡi, đặt niệu đạo, đặt trong má, đặt hoặc cấy dưới da;
 - + Hô hấp bao gồm các thuốc phun mù, dạng hít (dung dịch, hỗn dịch, bột dùng để hít), khí dung, xịt họng, bơm nội khí quản;
 - + Nhỏ mắt bao gồm các thuốc nhỏ mắt, tra mắt; nhỏ tai bao gồm các thuốc nhỏ tai; nhỏ mũi bao gồm thuốc nhỏ mũi, xịt mũi;
 - + Đường dùng khác được ghi cụ thể trong Mẫu số 00 Chương IV E-HSMT đối với một số thuốc có đường dùng, dạng dùng khác với các đường dùng nêu trên.
- Đảm bảo còn hạn sử dụng: Hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính từ thời điểm thuốc cung ứng cho Chủ đầu tư phải bảo đảm tối thiểu còn 06 tháng đối với thuốc có hạn dùng trên 02 năm; 03 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 01 đến 02 năm; 1/4 hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 01 năm

BẢNG PHẠM VI CUNG CẤP, TIẾN ĐỘ CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT CỦA THUỐC

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Giá kế hoạch	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Khối lượng	Tiến độ cung cấp	Yêu cầu về xuất xứ (nếu có)
1	G.01	Chymotrypsin	4.200 đơn vị USP	Đường uống	Viên hòa tan nhanh	644.037.686	4	Viên	10.000	6 tháng	
2	G.02	Nhôm phosphat gel 20%	12,38g	Đường uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống		4	Gói	1.500	6 tháng	
3	G.03	Amlodipin	5mg	Đường uống	Viên nang		1	Viên	15.000	6 tháng	
4	G.04	Nhôm hydroxyd gel khô; Magnesi trisilicat; Kaolin	250mg; 350mg; 50mg	Đường uống	Viên		4	Viên	2.500	6 tháng	
5	G.05	Atorvastatin	10 mg	Đường uống	Viên		1	Viên	2.000	6 tháng	
6	G.06	Thiamin hydrochlorid; Riboflavin; Nicotinamid	1 mg, 1 mg, 15 mg	Đường uống	Viên nang		4	Viên	12.000	6 tháng	
7	G.07	Actisô, rau đắng, Bim bim		Đường uống	Viên		1	Viên	5.040	6 tháng	
8	G.08	Berberin clorid	100 mg	Đường uống	Viên nang		4	Viên	3.000	6 tháng	
9	G.09	Ibuprofen	400mg; 80mg	Đường uống	Viên		4	Viên	15.000	6 tháng	
10	G.10	Bacillus subtilis	10 mũ 7 - 10 mũ 8 CFU/250 mg	Đường uống	Viên nang		4	Viên	10.000	6 tháng	
11	G.11	Bromhexin hydrochlorid	8mg	Đường uống	Viên		4	Viên	6.000	6 tháng	
12	G.12	Calci glubionat	687,5mg	Tiêm tĩnh mạch	Thuốc tiêm		4	Ống	100	6 tháng	
13	G.13	Calci; Colecalciferol	300mg, 60IU	Đường uống	Viên		4	Viên	10.000	6 tháng	
14	G.14	Calci	500mg	Đường uống	Viên sủi		4	Viên	1.000	6 tháng	
15	G.15	Captopril	25mg	Đường uống	Viên		2	Viên	4.200	6 tháng	

16	G.16	Cephalexin	500mg	Đường uống	Viên nang	2	Viên	34.919	6 tháng	
17	G.17	Cefuroxim	500mg	Đường uống	Viên	2	Viên	9.000	6 tháng	
18	G.18	Cetirizin dihydroclorid	10mg	Đường uống	Viên	3	Viên	35.000	6 tháng	
19	G.19	Ciprofloxacín (hydroclorid)	500mg	Đường uống	Viên	2	Viên	2.000	6 tháng	
20	G.20	Clorpheniramin maleat	4mg	Đường uống	Viên	4	Viên	42.000	6 tháng	
21	G.21	Cloramphenicol; Dexamethason acetat	160 mg, 4 mg	Kem bôi ngoài da	Thuốc dùng ngoài	4	Lọ	400	6 tháng	
22	G.22	Natri camphosulfonat; Lact tiên	2,5g; 5g	Đường uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	4	Chai	40	6 tháng	
23	G.23	Rosuvastatin	10 mg	Đường uống	Viên	Biệt dược gốc	Viên	140	6 tháng	
24	G.24	Paracetamol; Phenylephrin HCl	500mg; 10mg	Đường uống	Viên	2	Viên	12.000	6 tháng	
25	G.25	Di-iodohydroxyquinolin	210mg	Đường uống	Viên	4	Viên	2.000	6 tháng	
26	G.26	Metformin hydroclorid	850mg	Đường uống	Viên	3	Viên	3.000	6 tháng	
27	G.27	Gliclazide	60mg	Đường uống	Viên	Biệt dược gốc	Viên	480	6 tháng	
28	G.28	Glucose	25g	Truyền tĩnh mạch	Thuốc tiêm truyền	4	Chai	30	6 tháng	
29	G.29	Natri clorid; Natri lactat; Kali clorid; Calci clorid .2H2O	500ml	Truyền tĩnh mạch	Thuốc tiêm truyền	1	Chai	30	6 tháng	
30	G.30	Natri clorid; Glucose	4,5g, 25g	Truyền tĩnh mạch	Thuốc tiêm truyền	4	Chai	30	6 tháng	
31	G.31	Bột hạt malva (Malva purpurea); Xanh	250mg; 25mg; 20mg	Đường uống	Viên	4	Viên	600	6 tháng	

		methylen; Camphor monobromid								
32	G.32	Omeprazole	20 mg	Đường uống	Viên bao tan ở ruột		2	Viên	30.000	6 tháng
33	G.33	Sulpirid	50mg	Đường uống	Viên nang		4	Viên	600	6 tháng
34	G.34	D-alpha-tocopheryl acetate	400 UI	Đường uống	Viên nang		2	Viên	300	6 tháng
35	G.35	Bacillus clausii	2 tỷ bào tử	Đường uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống		1	Ống	300	6 tháng
36	G.36	Thiamin HCl (vitamin B1); Riboflavin natri phosphat; Vitamin PP	5mg; 0,274mg; 40mg	Thuốc nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt		4	Chai	50	6 tháng
37	G.37	Esomeprazol	40mg	Đường uống	Viên nang		3	Viên	3.500	6 tháng
38	G.38	Eucalyptol, Menthol, Tinh dầu tần, tinh dầu gừng, tinh dầu trầm		Đường uống	Viên nang		4	Viên	20.000	6 tháng
39	G.39	Furosemid	40mg	Đường uống	Viên		2	Viên	600	6 tháng
40	G.40	Cao Cà gai leo, Cao Mật nhân	250mg; 250mg	Đường uống	Viên		KPN	Viên	360	6 tháng
41	G.41	Metformin hydrochlorid	750mg	Đường uống	Viên giải phóng có kiểm soát		1	Viên	180	6 tháng
42	G.42	Paracetamol; Cafein	500 mg; 65 mg	Đường uống	Viên		2	Viên	25.000	6 tháng
43	G.43	Paracetamol	500mg	Đường uống	Viên sủi		3	Viên	1.200	6 tháng
44	G.44	Acid mefenamic	500mg	Đường uống	Viên		2	Viên	4.000	6 tháng
45	G.45	Metformin hydrochlorid; Glibenclamid	500mg, 5mg	Đường uống	Viên		4	Viên	180	6 tháng
46	G.46	Peptan, Undenatured Type II Collagen, White Willow Bark		Đường uống	Viên nang		KPN	Viên	180	6 tháng

		15%, Chondroitin Sulfate 90%, Bromelain 2400 GDU; 60GDU...								
47	G.47	Cao Kim tiền thảo, Chi tử, Cao Hoàng bá, Nhân trần bắc, Cao Diệp hạ châu, Cao Chi xác, Cao Uất kim, Cao Sài hồ	150mg, 50mg, 150mg, 20mg, 60mg, 30mg, 100mg, 120mg	Đường uống	Viên nang	KPN	Viên	420	6 tháng	
48	G.48	Acid ascorbic (vitamin C)	1g	Tiêm tĩnh mạch	Thuốc tiêm	1	Ống	30	6 tháng	
49	G.49	Lincomycin hydroclorid	500mg	Đường uống	Viên nang	2	Viên	1.000	6 tháng	
50	G.50	Loperamid hydroclorid	2mg	Đường uống	Viên nang	2	Viên	5.000	6 tháng	
51	G.51	Loratadin	10mg	Đường uống	Viên	2	Viên	10.000	6 tháng	
52	G.52	Losartan kali	50 mg	Đường uống	Viên	4	Viên	3.000	6 tháng	
53	G.53	Magnesi lactat dihydrat; Pyridoxin HCl	470 mg, 5 mg	Đường uống	Viên	4	Viên	12.000	6 tháng	
54	G.54	Methylprednisolon	16mg	Đường uống	Viên	1	Viên	1.200	6 tháng	
55	G.55	Piracetam	800mg	Đường uống	Viên	4	Viên	10.000	6 tháng	
56	G.56	Meloxicam	7.5 mg	Đường uống	Viên	2	Viên	15.000	6 tháng	
57	G.57	Methylprednisolon	16 mg	Đường uống	Viên	3	Viên	3.500	6 tháng	
58	G.58	Metronidazol	250mg	Đường uống	Viên	2	Viên	6.000	6 tháng	
59	G.59	Diethyl phtalat	5.2g	Mỡ dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	4	Hộp 40 chai	500	6 tháng	
60	G.60	Vitamin B1; Vitamin B2; Vitamin B5; Vitamin B9	1mg; 1mg; 1mg; 0.2mg	Đường uống	Viên nang	KPN	Viên	12.000	6 tháng	
61	G.61	Domperidon	10mg	Đường uống	Viên	2	Viên	12.000	6 tháng	

62	G.62	Acid ascorbic; Dextrose; Nicotinamid; Dexpanthenol; Pyridoxin HCl; Riboflavin; Thiamin HCl	500mg, 25g, 625mg, 250mg, 25mg, 25mg, 125mg	Truyền tĩnh mạch	Thuốc tiêm truyền	2	Chai	5	6 tháng	
63	G.63	Natri clorid	90 mg	nhỏ mắt (nhỏ mũi)	Thuốc nhỏ mắt (nhỏ mũi)	4	Chai	400	6 tháng	
64	G.64	Esomeprazol	40 mg	Đường uống	Viên bao tan ở ruột	1	Viên	168	6 tháng	
65	G.65	Nifedipin	20mg	Đường uống	Viên	2	Viên	2.000	6 tháng	
66	G.66	Drotaverin hydroclorid	80mg	Đường uống	Viên	1	Viên	1.600	6 tháng	
67	G.67	Tetrahydrozoline hydrochloride; Dipotassium glycyrrhizinate; Chlorpheniramine maleate; Pyridoxine hydrochloride; Panthenol; Potassium L-aspartate; Sodium chondroitin sulfate	1,3mg; 13mg; 1,3mg; 6,5mg; 13mg; 130mg; 13mg	Dung dịch thuốc nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	4	Chai	10	6 tháng	
68	G.68	Bisoprolol fumarat	5mg	Đường uống	Viên	1	Viên	500	6 tháng	
69	G.69	Paracetamol	500mg	Đường uống	Viên	4	Viên	42.000	6 tháng	
70	G.70	Paracetamol; Caffein	500mg; 65mg	Đường uống	Viên	5	Viên	3.600	6 tháng	
71	G.71	Penicilin V	400.000 I.U	Đường uống	Viên	4	Viên	3.600	6 tháng	
72	G.72	Terpin hydrat; Natri benzoat	100mg; 50mg	Đường uống	Viên nang	4	Viên	36.000	6 tháng	
73	G.73	Silymarin; Silybin; Thiamin nitrate; Pyridoxine HCl;	140mg; 60mg; 8mg; 8mg; 8mg; 24mg; 16mg	Đường uống	Viên nang	4	Viên	300	6 tháng	

		Riboflavin; Nicotinamide; Calci pantothenate								
74	G.74	Spiramycin; Metronidazol	750.000 IU; 125 mg	Đường uống	Viên	2	Viên	2.000	6 tháng	
75	G.75	Dexamethason natri phosphat; Naphazolin nitrat; Neomycin sulfat; Riboflavin natri phosphat	2,5mg; 2,5mg; 32.500IU; 0,05mg	Dung dịch thuốc nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	4	Chai	500	6 tháng	
76	G.76	Prednisolon	5mg	Đường uống	Viên nang	4	Viên	36.000	6 tháng	
77	G.77	Bambuterol hydroclorid	20 mg	Đường uống	Viên	4	Viên	10.000	6 tháng	
78	G.78	Cao đặc rễ Đinh lăng 5: 1 (Extractum Radix Polysciasis spissum); Cao khô lá Bạch quả (Extractum Folii Ginkgo siccus) (Hàm lượng flavonoid toàn phần \geq 24%)	150mg; 5mg	Đường uống	Viên	4	Viên	2.000	6 tháng	
79	G.79	Alimemazin	5mg	Đường uống	Viên	4	Viên	10.000	6 tháng	
80	G.80	Acid boric	800mg	Dung dịch dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	4	Lọ	400	6 tháng	
81	G.81	Telmisartan; Hydrochlorothiazide	40mg, 12,5	Đường uống	Viên	1	Viên	420	6 tháng	
82	G.82	Betamethason dipropionat, acid salicylic	4,0 mg, 240 mg	Kem bôi ngoài da	Thuốc dùng ngoài	4	Lọ	200	6 tháng	
83	G.83	Calci carbonat, than hoạt, Magie hydroxid...	100mg, 50mg, 50mg	Đường uống	Viên nang	KPN	Viên	3.000	6 tháng	
84	G.84	Diosmectite	3g	Đường uống	Bột/cốm/hạt pha uống	1	Gói	600	6 tháng	

85	G.85	Trimetazidine dihydrochloride	35mg	Đường uống	Viên giải phóng có kiểm soát	1	Viên	420	6 tháng	
86	G.86	Trimetazidin dihydrochlorid	20mg	Đường uống	Viên	2	Viên	9.000	6 tháng	
87	G.87	Amoxicillin	500 mg	Đường uống	Viên nang	4	Viên	30.579	6 tháng	
88	G.88	Furosemid	20mg	Tiêm tĩnh mạch	Thuốc tiêm	4	Ống	30	6 tháng	
89	G.89	Vitamin A; Vitamin D3	5000IU, 400IU	Đường uống	Viên nang	4	Viên	3.000	6 tháng	
90	G.90	Vitamin B1 (Thiamin mononitrat); Vitamin B6 (Pyridoxin HCl); Vitamin B12 (Cyanocobalamin)	125mg, 125mg, 125mcg	Đường uống	Viên	4	Viên	12.000	6 tháng	
91	G.91	Acid ascorbic	500mg	Đường uống	Viên	4	Viên	12.000	6 tháng	
92	G.92	Atropin sulfat	1mg	Tiêm tĩnh mạch	Thuốc tiêm	4	Ống	100	6 tháng	
93	G.93	Salbutamol	2,5mg	Hít qua đường miệng	Dung dịch/hỗn dịch khí dung	1	Ống	60	6 tháng	
94	G.94	Lidocain hydrochlorid	40mg	Tiêm tĩnh mạch	Thuốc tiêm	4	Ống	100	6 tháng	
95	G.95	Almagat	1g	Đường uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	2	Gói	500	6 tháng	
96	G.96	Diclofenac natri	75mg	Đường uống	Viên bao tan ở ruột	4	Viên	15.000	6 tháng	
97	G.97	Diclofenac natri	75mg	Tiêm bắp	Thuốc tiêm	4	Ống	30	6 tháng	
98	G.98	Phân đoạn flavonoid vi hạt tinh chế ứng với: Diosmin 90%; Các flavonoid biểu thị bằng hesperidin 10%	450mg, 50mg	Đường uống	Viên	1	Viên	600	6 tháng	

99	G.99	Acetylleucine	500mg	Tiêm tĩnh mạch	Thuốc tiêm	1	Ống	30	6 tháng	
100	G.100	Ofloxacin	200mg	Đường uống	Viên	4	Viên	3.000	6 tháng	
101	G.101	Levofloxacin	500mg	Đường uống	Viên	3	Viên	1.000	6 tháng	
102	G.102	Griseofulvin	500mg	Đường uống	Viên	4	Viên	3.000	6 tháng	
103	G.103	Adrenalin (dưới dạng Adrenalin bitartrat)	1,0 mg	Tiêm tĩnh mạch/tiêm bắp	Thuốc tiêm	4	Ống	60	6 tháng	
104	G.104	N-Acetyl-dl-leucin	500mg	Tiêm tĩnh mạch	Thuốc tiêm	4	Ống	50	6 tháng	
105	G.105	Hydrocortison	100mg	Tiêm tĩnh mạch/tiêm bắp/truyền tĩnh mạch	Thuốc tiêm đông khô	4	Ống	10	6 tháng	
106	G.106	Tobramycin; Dexamethason	15mg, 5mg	nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	1	Lọ	10	6 tháng	
107	G.107	Dexamethason sodium phosphat	5 mg	Tiêm tĩnh mạch/tiêm bắp/truyền tĩnh mạch	Thuốc tiêm	4	Ống	50	6 tháng	
108	G.108	Gentamycin sulfat	80mg	Tiêm tĩnh mạch/tiêm bắp	Thuốc tiêm	4	Ống	20	6 tháng	
109	G.109	Drotaverin hydroclorid	40mg	Tiêm bắp	Thuốc tiêm	1	Ống	30	6 tháng	
110	G.110	Diclofenac natri	75mg	Tiêm bắp	Thuốc tiêm	1	Ống	30	6 tháng	
111	G.111	Triamcinolone acetone	80mg	Tiêm tĩnh mạch/tiêm bắp	Thuốc tiêm	1	Ống	20	6 tháng	
112	G.112	Thiamin HCl; Pyridoxin HCl; Cyanocobalamin	50mg; 250mg; 5000mcg	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đông khô	4	Lọ	20	6 tháng	
113	G.113	Glucosamin; Chondroitin sulfat natri	392,6mg; 400mg	Đường uống	Viên	4	Viên	600	6 tháng	

114	G.114	Propylthiouracil	50mg	Đường uống	Viên		2	Viên	1.000	6 tháng	
115	G.115	Olanzapin	15mg	Đường uống	Viên hòa tan nhanh		4	Viên	500	6 tháng	
116	G.116	Tranexamic acid	500mg	Đường uống	Viên		1	Viên	600	6 tháng	
117	G.117	Natri valproat	200mg	Đường uống	Viên bao tan ở ruột		1	Viên	1.200	6 tháng	
118	G.118	Clorpromazin hydroclorid	25mg	Đường uống	Viên		4	Viên	2.000	6 tháng	
119	G.119	Crinium asiaticum extract, artemisia japonica extract, crassocephalum crepidioides extract, bauhinia variegata extract, lygodium flexuosum extract, pluchea pteropoda extract, bident pilosa extract, lantana camara extract		Đường uống	Viên		KPN	Hộp 80 viên	7	6 tháng	
120	G.120	Fluconazol	150mg	Đường uống	Viên nang		2	Viên	300	6 tháng	
121	G.121	Nystatin	500.000IU	Đường uống	Viên		4	Viên	1.600	6 tháng	
122	G.122	Cimetidin	300mg/2ml	Đường tiêm	Thuốc tiêm		2	Ống	30	6 tháng	
123	G.123	Eperison hydrochlorid	50mg	Đường uống	Viên		4	Viên	600	6 tháng	
124	G.124	Haloperidol	1,5mg	Đường uống	Viên		4	Viên	2.000	6 tháng	
125	VTYT.01	Ethanol	70%/60ml	Dung dịch dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài		4	Chai	150	6 tháng	
126	VTYT.02	Băng cuộn y tế	Băng, cột ngoài vết thương	Dùng ngoài	Vật tư y tế		KPN	Cuộn	70	6 tháng	

			Kích thước: 1m8*8.5cm							
127	VTYT.03	Băng cá nhân vải	Kích thước: 2cm*6cm	Dùng ngoài	Vật tư y tế	KPN	Hộp	30	6 tháng	
128	VTYT.04	Băng thun	Băng thun 3 móc	Dùng ngoài	Vật tư y tế	KPN	Cuộn	30	6 tháng	
129	VTYT.05	Bơm tiêm sử dụng một lần	5cc	Dùng ngoài	Vật tư y tế	KPN	Hộp	3	6 tháng	
130	VTYT.06	Bông y tế	1kg	Dùng ngoài	Vật tư y tế	KPN	Kg	3	6 tháng	
131	VTYT.07	Dây truyền dịch		Dùng ngoài	Vật tư y tế	KPN	Bịch	3	6 tháng	
132	VTYT.08	Gạc y tế tiệt trùng	10cm x 10cm x 6 lớp	Dùng ngoài	Vật tư y tế	KPN	Gói	100	6 tháng	
133	VTYT.09	Nước oxy già	3,6g	Dùng dịch dùng ngoài	Vật tư y tế	4	Chai	120	6 tháng	
134	VTYT.10	Povidon Iod	2g	Dùng dịch dùng ngoài	Vật tư y tế	4	Chai	120	6 tháng	
135	VTYT.11	Que thử đường (On Call Extra)		Dùng ngoài	Vật tư y tế	KPN	Hộp	2	6 tháng	
136	VTYT.12	Que thử đường (On Call Livid)		Dùng ngoài	Vật tư y tế	KPN	Hộp	3	6 tháng	
137	VTYT.13	Băng keo lụa	Dùng để cố định các loại băng dùng để băng vết thương và các thiết bị y tế (catheter, kim truyền,...) Kích thước: 2.5cm*5m	Dùng ngoài	Vật tư y tế	KPN	Hộp	30	6 tháng	
138	VTYT.14	Găng tay y tế		Dùng ngoài	Vật tư y tế	KPN	Hộp	6	6 tháng	

2.3. Các yêu cầu khác

- Nhà thầu phải:

+ Có thuyết minh quy trình tổ chức cung cấp thuốc khâ thi, phù hợp với quy mô gói thầu, tuân thủ nguyên tắc thực hành tốt từ khâu nhập hàng, cấp phát, vận chuyển và giao hàng, đảm bảo được chất lượng thuốc khi bàn giao cho đơn vị sử dụng. Có tài liệu minh chứng phương tiện vận chuyển thuốc đáp ứng yêu cầu về nhiệt độ và độ ẩm bảo quản trên nhãn trong suốt quá trình giao hàng.

+ Có cam kết chấp nhận các phương pháp kiểm tra chất lượng hàng hóa mà chủ đầu tư sẽ tiến hành để chứng minh chất lượng sản phẩm do nhà thầu cung cấp trong trường hợp hàng hóa không đáp ứng yêu cầu hồ sơ mời thầu khi bàn giao (mọi chi phí do nhà thầu chịu).

+ Có cam kết thu hồi rác thải phóng xạ theo yêu cầu của Chủ đầu tư (đối với nhà thầu tham dự mặt hàng là thuốc phóng xạ).

+ Có cam kết cung ứng đủ hàng theo nhu cầu dự trù của Chủ đầu tư ngay sau khi được lựa chọn trúng thầu.

+ Có cam kết thu hồi vô điều kiện những mặt hàng bị phát hiện có vấn đề về chất lượng trong quá trình sử dụng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của Chủ đầu tư.

+ Có cam kết đáp ứng yêu cầu của đơn vị về tiến độ và phạm vi cung cấp.

+ Có cam kết đảm bảo khả năng cung cấp thuốc theo đúng yêu cầu về chất lượng thuốc.

+ Có cam kết bồi thường thiệt hại do thuốc không đạt chất lượng gây ra (nếu có).

+ Có cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về các mặt hàng thuốc tham dự thầu vào các nhóm tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ Y tế.

+ Có cam kết trong vòng 03 năm kể từ năm đóng thầu:

++ Không có hợp đồng bị phạt do chậm tiến độ hoặc bỏ dở hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

++ Không có trường hợp Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có) trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu khi được mời vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có).

++ Chất lượng hàng hóa của nhà thầu đã cung cấp được sử dụng mà không có bất kỳ khiếu nại nào.

++ Không bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu bởi bất kỳ cơ quan hay tổ chức nào. Chưa từng bị bất kỳ chủ đầu tư/Chủ đầu tư nào ra quyết định xử phạt, kết luận có hành vi gian lận, vi phạm các quy định tại Điều 16 của Luật đấu thầu số 22/2023/QH15.

- Trong quá trình cung ứng thuốc nếu có yêu cầu thì nhà thầu phải cung cấp phiếu kiểm nghiệm (bản sao) đối với mỗi lô thuốc cùng với hóa đơn cho Chủ đầu tư (mỗi lô thuốc phải có phiếu kiểm nghiệm riêng, trường hợp trong năm cung ứng thuốc thành nhiều đợt nhưng các thuốc này cùng 1 lô sản xuất thì chỉ cần cung cấp 1 phiếu kiểm nghiệm của lô thuốc đó). Số lô sản xuất được in trên hóa đơn bán hàng hoặc phiếu báo lô kèm theo. Trong quá trình cung ứng, trường hợp có yêu cầu từ Chủ đầu tư thì nhà thầu phải cung cấp giấy phép lưu hành sản phẩm (bản sao) để kiểm tra, đối chiếu.

- Nhà thầu phải nộp cùng E-HSDT các tài liệu để chứng minh thông tin thuốc dự thầu: Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của thuốc, tài liệu chứng minh thông tin thuốc và các yêu cầu liên quan khác về tài liệu theo hướng dẫn của E-HSMT. Các tài liệu này là một phần yêu cầu của E-HSDT để chủ đầu tư có đầy đủ cơ sở để đánh giá tính đáp ứng của E-HSDT so với yêu cầu của E-HSMT. Trường hợp nhà thầu không cung cấp một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu thì được xem là bỏ sót nội dung, E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét và đánh giá.

***Ghi chú:** Trong trường hợp nghi ngờ nhà thầu tham dự có hành vi cam kết không trung thực trong hồ sơ dự thầu, Chủ đầu tư sẽ tiến hành xác minh tính chính xác về các nội dung cam kết của nhà thầu tham dự. Nếu kết quả xác minh cho thấy nhà thầu cố ý cam kết không trung thực làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị đánh giá là không đạt, đồng thời bị xử lý vi phạm hành vi gian lận trong hoạt động đấu thầu theo quy định tại Khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 và nhà thầu bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 03 năm đến 05 năm theo quy định tại Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Nhà thầu phải có cam kết nếu trúng thầu phải thực hiện những nội dung sau:

a) Khi có yêu cầu của Chủ đầu tư về việc kiểm tra và thử nghiệm trước khi bàn giao sản phẩm đại trà, nhà thầu phải:

- Cung cấp hàng hóa để kiểm tra, thử nghiệm trước thời điểm giao hàng tối thiểu là 01 ngày, để Chủ đầu tư kiểm tra, nghiệm thu hàng hóa về tính xác thực, tính an toàn... của các hàng hoá đã trúng thầu, phải đạt theo đúng các yêu cầu của E-HSMT và theo quy định hiện hành của Nhà nước. Trường hợp hàng hóa không đạt, nhà thầu phải thay thế sản phẩm khác nhanh chóng, vô điều kiện; khi chủ đầu tư chấp thuận hàng hóa kiểm tra thử nghiệm xong thì mới được giao hàng đại trà.

- Địa điểm kiểm tra: Tại Trại giam Định Thành hoặc theo thỏa thuận của 2 bên.

- Thời gian kiểm tra: Không quá 01 ngày.

- Kinh phí: Do nhà thầu chịu trách nhiệm.

b) Nếu không có yêu cầu của Chủ đầu tư về việc kiểm tra và thử nghiệm trước khi bàn giao sản phẩm đại trà: Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ hàng hàng hóa đảm bảo theo đúng các yêu cầu của E-HSMT, các quy định hiện hành của Nhà nước và hợp đồng đã ký kết. Trường hợp hàng hóa không đạt, nhà thầu phải thay thế sản phẩm khác nhanh chóng, vô điều kiện để đảm bảo cung cấp hàng hoá theo đúng tiến độ.

c) Toàn bộ hàng hóa được bàn giao tại đơn vị sử dụng trước khi nghiệm thu, đưa vào sử dụng; nhà thầu chịu trách nhiệm hướng dẫn sử dụng... theo đúng yêu cầu.

d) Sau khi hàng hoá đã nghiệm thu, bất kỳ thời điểm nào Chủ đầu tư cũng được quyền yêu cầu thực hiện công tác kiểm tra nghiệm thu.

- Đánh giá chất lượng hàng mẫu:

*Thuốc tiêm:

+ Dạng lỏng: Nếu là ống thủy tinh phải dễ bẻ. Nếu là nhựa thì đồng nhất, không tách lớp

+ Dạng bột: Không có màu sắc bất thường, dễ tan hoặc dễ phân tán, ống dung môi đi kèm (nếu có)

+ Thuốc tiêm truyền: Nút chai không bị rò rỉ khi tiêm truyền, có nút nhựa để cắm kim tiêm truyền

*Thuốc uống, tọa được bao bì kín, dễ mở, không bị biến dạng trong quá trình bảo quản, mùi vị dễ chịu:

+ Dạng nước: Bao bì gọn nhẹ

+ Dạng gói: Không hút ẩm

* Dạng viên: Không bị vỡ khi mở bao bì, thuốc và bao bì không hút ẩm

Nếu có sự không phù hợp đối với các tiêu chí trên, Chủ đầu tư sẽ quyết định loại hay giữ thuốc đó để tiếp tục đánh giá tiếp.

- Yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm, đóng gói, vận chuyển:

+ Theo “Phụ lục I. Mẫu cam kết” và các quy định trong E-HSMT.

- + Nhà thầu phải có phương tiện vận chuyển thuốc đến tận nơi đơn vị sử dụng, đảm bảo nhiệt độ, độ ẩm theo quy định của Cục Quản lý Dược - Bộ Y tế.

PHỤ LỤC I. MẪU CAM KẾT
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
BẢN CAM KẾT

....., ngày.... tháng.... năm....

Kính gửi: **Trại giam Định Thành**

Sau khi nghiên cứu E-HSMT gói thầu “Gói thầu HH-01: Mua thuốc và vật tư y tế cho Trại giam Định Thành 6 tháng đầu năm 2026” thuộc dự toán mua sắm “Mua thuốc và vật tư y tế cho Trại giam Định Thành 6 tháng đầu năm 2026” do Trại giam Định Thành làm Chủ đầu tư.

Chúng tôi, *[điền tên nhà thầu]*, cam kết các nội dung như sau:

1. Cung cấp hàng hóa mới 100%, xuất xứ rõ ràng, còn nguyên đai nguyên kiện, đảm bảo đạt tiêu chuẩn chất lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư trong các đợt giao hàng cho đơn vị theo kết quả trúng thầu của gói thầu này (nếu được lựa chọn trúng thầu).
2. Thời gian giao hàng tới kho của đơn vị sử dụng/đơn vị thụ hưởng trong thời gian không quá 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu giao hàng của Chủ đầu tư.
3. Trong trường hợp nhà thầu không có thuốc cung ứng hoặc cung ứng thuốc không đúng với các thông số kỹ thuật chào thầu hoặc thời gian cung ứng chậm trễ theo hợp đồng, nhà thầu phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về mặt tài chính theo yêu cầu của Chủ đầu tư và được xem là chậm tiến độ/không hoàn thành hợp đồng.
4. Về phương thức thanh toán: Thanh toán trong vòng 90 ngày sau khi hoàn tất hóa đơn hợp pháp, thủ tục nhập kho và nghiệm thu bàn giao.
5. Cung ứng kịp thời, chính xác, đủ về số lượng thuốc trúng thầu, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng như đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền trong thời gian hiệu lực của hợp đồng. Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về điều kiện giao hàng tiến độ và phạm vi cung cấp nêu trong E-HSMT.
6. Thu hồi thuốc vô điều kiện kể cả khi hợp đồng đã chấm dứt nếu thuốc đã giao không đảm bảo đầy đủ các tiêu chuẩn kỹ thuật như đã chào thầu, hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của Chủ đầu tư và hoàn trả đầy đủ thuốc đảm bảo chất lượng cho Chủ đầu tư, tương ứng với số lượng thuốc đã thu hồi đồng thời đền bù mọi chi phí có liên quan.
7. Cung cấp thuốc theo đúng kỹ thuật, chất lượng theo yêu cầu của E-HSMT trước đó và đơn giá theo đúng giá trúng thầu (kể cả trong trường hợp có trượt giá trong năm).
8. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin kê khai, kê khai lại đã cung cấp và chưa có ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý Nhà nước về giá thuốc đối với tính bất hợp lý của mức giá kê khai hoặc kê khai lại.
9. Đảm bảo đáp ứng về yêu cầu vận chuyển đến địa điểm cung cấp: Đảm bảo giao hàng theo quy định trong hợp đồng mua bán/hợp đồng kinh tế thuốc ký kết với Chủ đầu tư.
10. Đảm bảo đáp ứng về thời hạn hợp đồng: Đảm bảo cung cấp thuốc y tế theo thời hạn hợp đồng đã ký kết với Chủ đầu tư và có thể được yêu cầu cung cấp thành một hoặc nhiều đợt khác nhau.
11. Hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính từ thời điểm thuốc cung ứng cho Chủ đầu tư phải bảo đảm theo yêu cầu của Chủ đầu tư, được thống nhất trong quá trình hoàn thiện và ký kết hợp đồng.

12. Trong vòng 03 năm kể từ thời điểm đóng thầu không có hợp đồng bị phạt, không có trường hợp nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có) trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu khi được mời vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có), chất lượng hàng hóa của nhà thầu đã cung cấp được sử dụng mà không có bất kỳ khiếu nại nào, không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu; đối với nhà thầu là Hộ kinh doanh: Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

13. Sẵn sàng cung cấp bản gốc các tài liệu để đối chiếu khi có yêu cầu của Chủ đầu tư: Hợp đồng tương tự, Biên bản nghiệm thu thanh lý, Hóa đơn tài chính, Sao kê ngân hàng chứng minh giao dịch (nếu có yêu cầu) của hợp đồng tương tự và các tài liệu khác có liên quan.

14. Cung cấp chứng từ hàng hóa (nếu có yêu cầu): Tại thời điểm giao nhận hàng hóa, nhà thầu phải cung cấp bản sao chứng thực tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa về xuất xứ và chất lượng hàng hóa.

15. Đối với các mặt hàng thuốc có kết quả đàm phán giá cấp quốc gia, kết quả đấu thầu tập trung cấp quốc gia, kết quả đấu thầu tập trung cấp địa phương được công bố, giá thuốc cung ứng cho chủ đầu tư sẽ thực hiện điều chỉnh căn cứ trên nguyên tắc giá thuốc cung ứng trong cùng nhóm tiêu chí kỹ thuật không được vượt giá thuốc trúng thầu thông qua đàm phán giá và đấu thầu tập trung cấp quốc gia, đấu thầu tập trung cấp địa phương.

16. Trong trường hợp giấy phép lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu hay hồ sơ gia hạn hiệu lực số đăng ký của thuốc tham dự thầu bị hết hạn, chúng tôi xin đảm bảo sẽ cung cấp văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc tuân thủ theo đúng các quy định.

17. Bảo quản và phân phối thuốc đảm bảo đúng yêu cầu quy định về GSP, GDP trong suốt quá trình vận chuyển tới kho của Chủ đầu tư.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)